

Số: 60/2016/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ môi trường làng nghề;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 37/2005/QĐ-UB ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định Tiêu chí làng nghề tiêu thủ công nghiệp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, TC, CT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, NC/KTN Đ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hùng

QUY ĐỊNH

Về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung, tiêu chí, trình tự thủ tục công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (*sau đây gọi là tổ chức, cá nhân*) bao gồm:

- a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- b) Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- c) Hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

2. Các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Nghề truyền thống* là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

2. *Làng nghề* là một hoặc nhiều cụm dân cư của khóm, ấp hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, phường, thị trấn có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau.

3. *Làng nghề truyền thống* là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.

Điều 4. Mục đích công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Ghi nhận những đóng góp và tôn vinh những sản phẩm đặc trưng của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Khuyến khích, động viên nhân dân địa phương tích cực tham gia hoạt động sản xuất, nâng cao ý thức, trách nhiệm xây dựng, phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho lao động địa phương.

3. Khuyến khích, động viên thợ thủ công trong các làng nghề có trình độ cao về tay nghề và kinh nghiệm trong sản xuất: Nghiên cứu, sáng tác, phục hồi, phục chế các sản phẩm và du nhập nghề mới, sản xuất ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực ngành nghề nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới.

Điều 5. Các hoạt động ngành nghề nông thôn

Các hoạt động ngành nghề nông thôn được xem xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống gồm:

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
5. Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh.
6. Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.
7. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

Điều 6. Nguyên tắc, thẩm quyền việc xét công nhận và thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Nguyên tắc:

a) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống chỉ được xét công nhận khi đảm bảo đầy đủ các tiêu chí theo quy định.

b) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận, sau 05 năm không đạt các tiêu chí theo quy định sẽ bị thu hồi giấy công nhận.

2. Thẩm quyền:

Thẩm quyền xét công nhận, thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 7. Tên, thành viên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

a) Tên nghề truyền thống được đặt theo tên của nghề đạt các tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống và gắn liền với tên địa danh của một xã, phường, thị trấn (nơi có nghề truyền thống).

b) Tên của làng nghề, làng nghề truyền thống: Tên của làng nghề gắn liền với tên của nghề và địa danh (khóm, ấp, xã, phường, thị trấn có làng nghề, làng nghề truyền thống). Nếu trên địa bàn có nhiều làng nghề, thì tên của làng nghề, làng nghề truyền thống vẫn được lấy tên của nghề gắn với địa danh. Trường hợp liên xã, phường, thị trấn thì địa phương nào có số hộ tham gia làm nghề nhiều hơn thì tên làng nghề được gắn với tên của địa danh ở địa phương đó.

2. Thành viên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

a) Thành viên của nghề truyền thống: Là hộ, tổ chức sản xuất kinh doanh hoặc nhóm hộ, nhóm tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

b) Thành viên của làng nghề, làng nghề truyền thống: Là cá nhân, hộ sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, các cơ sở, doanh nghiệp và các hiệp hội, hội nghề nghiệp,... có tham gia sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

c) Các thành viên trong làng nghề, làng nghề truyền thống bình chọn một tổ chức hoặc cá nhân đại diện cho làng nghề được chính quyền địa phương công nhận. Tổ chức hoặc cá nhân được chọn làm đại diện cho làng nghề phải có tâm huyết, uy tín với nghề; có khả năng tuyên truyền, vận động nhiều hộ dân trong khu vực, địa phương tham gia xây dựng và phát triển làng nghề; có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người sản xuất; tìm hiểu và tiếp nhận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước hoặc các tổ chức phi Chính phủ trong và ngoài nước.

Chương II TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 8. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống

Nghề được công nhận là nghề truyền thống phải đạt 03 tiêu chí sau:

1. Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

2. Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Nghề gắn tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

Điều 9. Tiêu chí công nhận làng nghề

Làng nghề được công nhận phải đạt 04 tiêu chí sau:

1. Có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia hoạt động các ngành nghề nông thôn;
2. Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận;
3. Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà Nước;
4. Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

Điều 10. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống

1. Làng nghề truyền thống phải đạt các tiêu chí làng nghề và có ít nhất một nghề truyền thống được công nhận theo Quy định này.
2. Đối với những làng nghề chưa đạt tiêu chuẩn của tiêu chí công nhận làng nghề tại Điều 9, Quy định này nhưng có ít nhất một nghề truyền thống được công nhận theo quy định tại Quy định này thì cũng được công nhận là làng nghề truyền thống.

Điều 11. Làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận

Đối với các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận trước đây, nếu phù hợp với các tiêu chí theo Quy định này thì vẫn có giá trị và bổ sung thêm những nội dung mới phù hợp với tiêu chí tại Quy định này.

Chương III

THỦ TỤC CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 12. Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống
 - a) Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (*theo mẫu tại Phụ lục I*).
 - b) Bản sao giấy chứng nhận huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh trở lên trao tặng (*nếu có*).

Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống.

c) Bản sao giấy công nhận Nghề nhân của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề

a) Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu tại Phụ lục II).

b) Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất (theo mẫu tại Phụ lục III).

c) Bản xác nhận thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu tại Phụ lục V); bản sao các giấy chứng nhận đã đạt giải (có công chứng) trong các cuộc thi, triển lãm (nếu có).

d) Các văn bản có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

3. Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống

a) Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống gồm: các văn bản quy định tại Khoản 1 và 2, Điều này.

b) Trường hợp đã được công nhận làng nghề, hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều này. Nếu chưa được công nhận làng nghề, nhưng có nghề truyền thống đã được công nhận, hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều này.

c) Những làng chưa đạt tiêu chuẩn a, b của tiêu chí công nhận làng nghề tại Khoản 2, Điều này, hồ sơ gồm:

- Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống quy định tại Khoản 1, Điều này.

- Bản xác nhận thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Các văn bản có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

Điều 13. Trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Tổ chức, cá nhân có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đối chiếu với tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được quy định tại Điều 8, 9, 10, 11 của Quy định này, lập hồ sơ

kèm theo đơn đề nghị công nhận (*theo mẫu tại Phụ lục IV*) gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã). Hồ sơ gồm 06 bộ gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đánh giá tiêu chí (*theo mẫu tại Phụ lục VI*) và lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thông qua đơn vị tiếp nhận hồ sơ là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế (*theo mẫu tại Phụ lục VII*). Hồ sơ gồm 05 bộ gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi (*theo mẫu tại Phụ lục VIII*), trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua đơn vị tiếp nhận hồ sơ là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*theo mẫu tại Phụ lục IX*). Hồ sơ gồm 03 bộ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Sau khi nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét công nhận, đồng thời là cơ quan thường trực của Hội đồng, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị; báo cáo Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh tổ chức xét công nhận, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền theo quy định.

5. Thời gian xét công nhận: Hàng năm Hội đồng xét công nhận cấp tỉnh tổ chức xét công nhận một lần. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 30 tháng 7; Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30 tháng 8; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

Điều 14. Thành lập Hội đồng xét công nhận

Thành phần Hội đồng xét công nhận gồm:

1. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh - Chủ tịch Hội đồng.
2. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phó Chủ tịch Hội đồng.
3. Lãnh đạo Công Thương - Phó Chủ tịch Hội đồng.
4. Lãnh đạo các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội; lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên.
5. Lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội thủ công mỹ nghệ (*nếu có*), và một số tổ chức, cá nhân khác (*nếu có*) - Ủy viên.

Điều 15. Nhiệm vụ của Hội đồng

Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ tổ chức họp, xét hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 16. Phương thức, cơ chế hoạt động của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể thông qua các phiên họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng. Hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp của Hội đồng ít nhất 03 ngày. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị ý kiến thảo luận, bố trí thời gian tham dự đầy đủ các phiên họp.

2. Kỳ họp đánh giá xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Hội đồng phải có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng mời tham dự.

3. Hội đồng xét công nhận thông qua hình thức biểu quyết và được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận phải đạt ít nhất 2/3 ý kiến thống nhất trên tổng số thành viên có mặt tham dự phiên họp.

4. Hội đồng chỉ xem xét các hồ sơ của các tổ chức, cá nhân lập theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định. Các trường hợp hồ sơ không lập đúng nội dung, trình tự và thời gian thì Hội đồng không xem xét. Hội đồng xét công nhận phải có văn bản trả lời lý do không xem xét hồ sơ.

5. Hội đồng xét công nhận hàng năm được thành lập khi có yêu cầu của các tổ chức, cá nhân đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thành lập.

Điều 17. Thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận, sau thời gian 5 năm không còn hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như không đảm bảo tiêu chí theo quy định của làng nghề tại Quy định này thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đạt theo yêu cầu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra rà soát lại và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi quyết định công nhận đối với nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo tiêu chí theo Quy định này.

Chương IV
QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Điều 18. Quyền lợi

1. Được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp “Giấy công nhận nghề truyền thống”; “Giấy công nhận làng nghề”; “Giấy công nhận làng nghề truyền thống”.
2. Được hưởng những chính sách ưu đãi về phát triển nghề, làng nghề theo quy định hiện hành.
3. Được bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo phổ biến kiến thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư, tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường và cán bộ quản lý môi trường cấp xã.
4. Được ưu tiên trong quá trình xét duyệt và cho vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng.
5. Được ưu tiên trong quá trình xem xét, lựa chọn các địa điểm triển khai, tiếp nhận các mô hình xử lý chất thải cũng như các hoạt động khác từ các dự án Quốc tế, các nhiệm vụ, đề tài, dự án từ ngân sách nhà nước (nếu có).
6. Được hưởng chế độ ưu đãi về khuyến công, phát triển nghề và làng nghề của tỉnh, các chính sách hiện hành của Nhà nước.
7. Được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư các xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh.
8. Những tổ chức, cá nhân, làng nghề, làng nghề truyền thống có nhiều thành tích trong việc phát triển nghề, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống nhân dân được Ủy ban nhân dân tỉnh tôn vinh, khen thưởng theo quy định.

Điều 19. Nghĩa vụ

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, phát triển nghề, làng nghề của địa phương gắn với Chương trình xây dựng Nông thôn mới của tỉnh.
2. Duy trì, xây dựng và phát triển làng nghề ổn định, bền vững, gắn với du lịch và bảo vệ môi trường làng nghề, an toàn lao động tại các cơ sở sản xuất.
3. Tích cực đầu tư, mở rộng sản xuất, cải tiến thiết bị công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cải tiến mẫu mã nhằm đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật ngày càng cao được thị trường ưa chuộng.

4. Tích cực mở rộng và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm; khai thác và phát triển bền vững vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.

5. Huy động các nghệ nhân, thợ giỏi, cá nhân, hộ gia đình tích cực tham gia công tác truyền nghề, dạy nghề cho người lao động; duy trì, phát triển làng nghề ổn định, bền vững.

6. Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động về Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 20. Phân công trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Là cơ quan chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

b) Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét tặng danh hiệu của tỉnh, làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và đơn thư khiếu nại (nếu có).

c) Tham mưu xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, kinh phí, chương trình hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, định hướng mục tiêu hỗ trợ, xác định tiêu chí nội dung các lĩnh vực cần hỗ trợ.

d) Làm đầu mối tiếp nhận kinh phí từ ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác để chi cho các hoạt động phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

đ) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và triển khai các chính sách của nhà nước liên quan đến phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

e) Chủ trì tổ chức thẩm định, trình duyệt và công bố Quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh về nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách, đề xuất giải pháp phát triển ngành nghề nông thôn.

g) Xây dựng kế hoạch kinh phí phục vụ cho công tác thẩm định, xét duyệt công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm; tiếp nhận và quyết toán kinh phí theo quy định.

h) Định kỳ vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm báo cáo tình hình phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương cũng như những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị chính sách phát triển ngành nghề nông thôn về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

i) Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức hội chợ, triển lãm, hội thi sản phẩm làng nghề nông thôn.

k) Chủ động lồng ghép từ các nguồn vốn được bố trí hàng năm (Chương trình mục tiêu quốc gia, kinh phí khuyến nông, vốn sự nghiệp nông nghiệp,...) để phân khai thực hiện hỗ trợ phát triển các nghề, làng nghề truyền thống theo cơ chế chính sách đã được quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Xác nhận các làng nghề đáp ứng đủ tiêu chí về bảo vệ môi trường, giúp cho công tác xét công nhận hàng năm được thuận lợi.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo đúng quy định.

3. Sở Công Thương

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, quy hoạch vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến;

b) Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại cho các làng nghề, cơ sở sản xuất trong làng nghề.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đầu tư, hỗ trợ cho khôi phục phát triển làng nghề, ngành nghề và công tác xét công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống hàng năm; hướng dẫn thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán theo đúng quy định.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Tổ chức việc hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ đối với các mô hình, dự án về phát triển nghề truyền thống,

làng nghề, làng nghề truyền thống và hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa cho sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho các lao động của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô phát triển và thị trường tiêu thụ của sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp thẩm định, đề xuất các chính sách và bố trí kinh phí theo phân cấp để hỗ trợ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phát triển.

Điều 21. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn các làng nghề tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn nhằm khai thác, phát huy ngành nghề lợi thế của địa phương gắn với bảo vệ môi trường; phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tạo điều kiện để các làng nghề thực hiện các chính sách của Nhà nước về khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn rà soát nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đủ tiêu chuẩn và tổng hợp hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức đánh giá và tổng hợp chung.

4. Lập danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đủ tiêu chí gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi giấy công nhận.

5. Báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

6. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm bảo vệ môi trường làng nghề được Quy định tại Điều 18, Chương IV, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

Điều 22. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quản lý nhà nước đối với nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn quản lý:

a) Xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Hướng dẫn các làng nghề, làng nghề truyền thống chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Thường xuyên phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế rà soát, kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động của các làng nghề.

d) Tổ chức tuyển chọn, đề cử, lập danh sách, xác nhận và hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định.

đ) Tổng hợp báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm bảo vệ môi trường làng nghề được Quy định tại Điều 17, Chương IV, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục I
MẪU BÁO CÁO QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ
TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ẤP (KHÓM).....
Tổ chức/cá nhân(nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của
nghe.....ấp (khóm).....xã (phường, thị trấn).....
huyện (TX/TP)....., tỉnh Đồng Tháp

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn.....

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Nghề.....tại.....đã hình thành và phát triển như sau:

1. Khái quát tình hình chung của nghề (Nêu rõ tên nghề).....
 - Vị trí địa lý, sự phân bố của nghề:
 - Số hộ có người tham gia làm nghề:
 - Tổng số lao động tham gia làm nghề:
 - Thu nhập bình quân của người lao động:
 - Địa bàn tập trung của nghề:
 - + Tổng số hộ dân trên địa bàn (ấp/khóm,...):
 - + Tổng số hộ có người tham gia làm nghề:
2. Sự ra đời và hình thành của nghề
 - Lịch sử hình thành, du nhập và phát triển của nghề: (nếu có tài liệu lịch sử chứng minh cần nêu rõ trong báo cáo và phô tô kèm theo hồ sơ).
 - Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân: Tên các nghệ nhân, các thành tích mà các nghệ nhân đạt được,...
 - Mô tả đặc điểm sản xuất, sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc.
3. Tình hình sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm.
4. Phương hướng, mục tiêu phát triển nghề trong thời gian tới (nếu có).
5. Tình hình chấp hành chính sách, pháp luật nhà nước.
6. Kiến nghị, đề xuất./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(PHƯỜNG/THỊ TRẤN).....
CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục II
MẪU DANH SÁCH HỘ THAM GIA LÀM NGHỀ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND XÃ/PHƯỜNG/
THỊ TRẤN.....
ẤP (KHÓM).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm.....

DANH SÁCH HỘ THAM GIA LÀM NGHỀ.....
CỦA ẤP (KHÓM).....

1. Địa chỉ:.....
2. Tổng số hộ của ấp (khóm).....(hộ).
3. Số hộ trong ấp (khóm) tham gia làm nghề.....(hộ).

STT	Họ và tên chủ hộ có tham gia hoạt động làm nghề	Số khẩu	Tổng số lao động của hộ	Lao động có tham gia làm nghề	Trong đó		Ghi chú
					Lao động làm chuyên	Lao động làm nghề thời vụ	
1							
2							
3							
4							
5							
...							

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(PHƯỜNG/THỊ TRẤN).....

CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ẤP (KHÓM)

(Trưởng ấp/khóm ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục III

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND XÃ/PHƯỜNG/
THỊ TRẤN.....
ẤP (KHÓM).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng.....năm.....

BÁO CÁO

Tóm tắt kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh làng nghề.....
trong 2 năm 20...và 20...

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn.....

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Trong giai đoạn 2 năm (Từ năm.....đến năm.....), hoạt động sản xuất và kinh doanh của làng nghề.....đạt kết quả như sau:

1. Khái quát tình hình chung của làng nghề (Nêu rõ tên nghề).....

- Vị trí địa lý, sự phân bố của nghề:
- Dân số: Tổng số hộ, tổng số dân của khóm/ấp.....:
- Số hộ có người tham gia làm nghề của khóm/ấp:
- Tổng số lao động tham gia làm nghề của khóm/ấp:

2. Tình hình sản xuất kinh doanh của làng nghề

- Các loại sản phẩm chủ yếu và số lượng sản phẩm mà nghề đã tạo ra.
- Giá bán bình quân của các sản phẩm chủ yếu.
- Thị trường tiêu thụ chính của sản phẩm.
- Thu nhập bình quân của một hộ làm nghề.
- Thu nhập bình quân của người lao động tham gia làm nghề.

3. Công nghệ đang áp dụng làm nghề.

4. Công tác bảo vệ môi trường của làng nghề.

5. Tình hình chấp hành chính sách, pháp luật Nhà nước.

6. Vốn cho hoạt động làm nghề của làng nghề.

7. Các khoản phải đóng góp từ hoạt động làm nghề đối với địa phương (nếu có).
8. Phương hướng, mục tiêu phát triển của làng nghề trong thời gian tới.
9. Kiến nghị - đề xuất./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(PHƯỜNG/THỊ TRẤN).....**

CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ÁP (KHÓM)

(Trưởng áp/khóm ký, ghi rõ họ tên)

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục IV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ,
LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống)

Kính gửi: UBND xã (Phường, thị trấn).....

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp,

Sau quá trình hình thành, phát triển nghề và triển khai xây dựng theo các tiêu chí làng nghề; Ấp (khóm) tự xét thấy đã đạt được những tiêu chí nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) gồm:

1. Số hộ tham gia làm nghề là.....hộ, chiếm.....% tổng số hộ của ấp (khóm).

2. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu), thu nhập từ nghề.....của ấp (khóm).....trong 2 năm liên tiếp gần đây:

+ Năm.....: Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) thực hiện đạt.....triệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của ấp (khóm); thu nhập từ nghề đạttriệu đồng, chiếm.....% tổng thu nhập của ấp (khóm).

+ Năm.....: Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) thực hiện đạt.....triệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của ấp (khóm); thu nhập từ nghề đạttriệu đồng, chiếm.....% tổng thu nhập của ấp (khóm).

3. Các sản phẩm chủ yếu của ấp (khóm).....là:.....

.....
... sản xuất nghề theo quy định của pháp luật, có tổ chức và hoạt động xã hội về

nghề và chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành về chính sách của Nhà nước và vệ sinh môi trường.

Ấp (khóm).....đề nghị UBND các cấp và cơ quan có liên quan xem xét, công nhận:

- Tên ấp (khóm):.....
- Thuộc xã (phường/thị trấn):.....
- Huyện (TX/TP):.....
- Làm nghề:.....

Là ấp (khóm) đạt nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)/.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(PHƯỜNG/THỊ TRẤN).....**

CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ẤP (KHÓM)

(Trưởng ấp/khóm ký, ghi rõ họ tên)

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục V
MẪU CÔNG VĂN XÁC NHẬN VIỆC CHẤP HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP
LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND XÃ/THƯỜNG/THỊ
TRẦN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../UBND-.....
V/v xác nhận việc chấp hành chính
sách, pháp luật của Nhà nước

....., ngày.....tháng.....năm 20...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/TX/TP.....

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

UBND xã (phường/thị trấn) xác nhận:

Người dân làng nghề, làng nghề truyền thống..... thuộc ấp/khóm thuộc xã/phường/thị trấn.....huyện/TX/TP..... luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và hoàn thành tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú, tham gia tích cực các phong trào phát triển kinh tế xã hội tại địa phương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng NN&PTNT(Phòng Kinh tế TX/TP);
-;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI
MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ LÀNG NGHỀ CỦA ỦY BAN
NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND XÃ/THƯỜNG/THỊ
TRẤN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20...

BIÊN BẢN
Đánh giá các tiêu chí nghề truyền thống
(làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi nhận được Đơn đề nghị công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) của ấp (khóm)thuộc xã (phường, thị trấn) huyện (TX/TP).....ngày....tháng.... năm 20.....;

Hôm nay, ngàythángnăm 20.....UBND xã (phường, thị trấn)tiến hành đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống) của:

- Ấp (khóm):
- Thuộc xã (Phường/thị trấn):.....; huyện (TX/TP):..... ;
- Làm nghề:.....

Các thành viên tham gia đánh giá:

1. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
2. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
3. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
- 4.....

Sau khi khảo sát, đánh giá quá trình hình thành, phát triển của ấp (khóm).....UBND xã (phường, thị trấn) đã thống nhất kết quả dưới đây:

1. Số hộ tham gia làm nghề là.....hộ, chiếm.....% tổng số hộ của ấp (khóm).
2. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập) từ nghề.....của ấp (khóm)..... 2 năm liên tiếp.

+ Năm.....: giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập);
Thực hiện đạttriệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất
(hoặc doanh thu; hoặc thu nhập) của ấp (khóm);

+ Năm.....: giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập);
Thực hiện đạttriệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất
(hoặc doanh thu; hoặc thu nhập) của ấp (khóm);

3. Các sản phẩm chủ yếu của nghề.....là:.....

4. Làng nghề.....sản xuất theo đúng quy định của pháp luật, có tổ chức và hoạt động xã hội về nghề.....đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành về chính sách của nhà nước và vệ sinh môi trường, đạt (hoặc không đạt) các tiêu chí công nhận làng nghề.

Biên bản kết thúc lúc giờ cùng ngày, có đọc lại cho thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên.

Biên bản được lập thành.....bản có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN
HỘ LÀM NGHỀ**

*(Ký và ghi rõ họ
tên)*

**ĐẠI DIỆN ẤP (KHÓM)
TRƯỞNG ẤP (KHÓM)**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. UBND XÃ (PHƯỜNG/ THỊ
TRẤN).....**

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VII
MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÉT, CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG,
LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND XÃ/THƯỜNG/THỊ
TRẦN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

....., ngày.....tháng.....năm 20...

TỜ TRÌNH

Về việc công nhận ấp (khóm).....thuộc xã (phường/thị
trấn).....huyện (TX/TP).....có nghề truyền thống (làng nghề hoặc
làng nghề truyền thống)

Kính gửi: UBND huyện/thị/thành phố.....

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp,

Căn cứ Biên bản đánh giá các tiêu chí nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống) ngày.....tháng.....năm..... (Biên bản của xã/phường/thị trấn);

Hồ sơ kèm theo, gồm:.....

UBND xã/phường/thị trấnkính đề nghị UBND huyện/TX/TP tổng hợp, tổ chức đánh giá, trình UBND tỉnh Đồng Tháp công nhận nghề (làng nghề)thuộc xã/phường/thị trấnhuyện/TX/TPtỉnh Đồng Tháp là nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng NN&PTNT(Phòng Kinh tế TX/TP);
-;
- Lưu: VT.

TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẦN
CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VIII
MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ LÀNG NGHỀ
CỦA UBND HUYỆN/TX/TP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TX/TP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN
Đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống
(làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Sau khi nhận được Tờ trình số.../TTr-UBND ngàythángnăm ... của UBND xã/phường/thị trấn đề nghị công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) của ấp (khóm)thuộc xã/phường/thị trấn ngàythángnăm.....,

Hôm nay, ngày tháng năm, UBND huyện (TX/TP)..... tiến hành đánh giá các tiêu chí nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống) của:

- Ấp (khóm):.....
- Thuộc xã/phường/thị trấn:; huyện/TP:.....

Các thành viên tham gia đánh giá:

1. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
2. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
3. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
4. Ông/Bà:.....Chức vụ: Đại diện Lãnh đạo UBND xã.
5. Ông/Bà:.....Chức vụ: Trưởng ấp (khóm)
6. Ông/Bà:.....Chức vụ: Đại diện hộ làm nghề

Sau khi khảo sát, đánh giá quá trình hình thành, phát triển của ấp (khóm), UBND huyện (TX/TP) thống nhất kết quả dưới đây:

1. Số hộ tham gia làm nghề là.....hộ, chiếm.....% tổng số hộ của ấp (khóm).

2. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập) từ nghề.....của ấp (khóm)..... 2 năm liên tiếp.

+ Năm.....: giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập);
Thực hiện đạttriệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất
(hoặc doanh thu; hoặc thu nhập) của ấp (khóm);

+ Năm.....: giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập);
Thực hiện đạttriệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất
(hoặc doanh thu; hoặc thu nhập) của ấp (khóm);

3. Các sản phẩm chủ yếu của nghề..... là

.....

4. Ấp (khóm)sản xuất theo đúng quy định của pháp luật, có tổ chức và hoạt động xã hội về nghề.....đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành về chính sách của nhà nước và vệ sinh môi trường. Ấp (khóm).....đã đạt (hoặc không đạt) các tiêu chí công nhận làng nghề.

UBND huyện (TX/TP) thông nhất (hoặc không thông nhất) đạt danh hiệu nghề truyền thống (hoặc làng nghề truyền thống).

Biên bản kết thúc lúc giờ cùng ngày, có đọc lại cho thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên.

Biên bản được lập thành.....bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐD. PHÒNG NÔNG NGHIỆP & PTNT
(PHÒNG KINH TẾ TX/TP)
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TM. UBND HUYỆN (TX/TP)
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TM. UBND XÃ (PHƯỜNG/THỊ TRẤN)
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN HỘ LÀM NGHỀ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ẤP (KHÓM)
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IX
MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÉT, CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG,
LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TX/TP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-UBND

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH
Về việc công nhận Nghề truyền thống
(làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Biên bản đánh giá các tiêu chí nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống) ngày ... tháng năm (Biên bản của huyện),

Hồ sơ kèm theo, gồm:.....

UBND huyện (TX/TP)..... đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và trình UBND tỉnh Đồng Tháp xét công nhận nghề (làng nghề), xã (phường/thị trấn) huyện (TX/TP).....tỉnh Đồng Tháp là nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (TX/TP)
CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)